

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA T22, T22B LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2018

T22-T22B - Hệ cao đẳng

TT	SBD	SVS	HỌ VÀ TÊN		NG. SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	TB	XL	NOI SINH	GHI CHÚ
161	2226521631	161/T22	Huỳnh Thúc	An	22/02/1994	T22YDHB	2.65	2.00	2.33	2.33	TB	Quảng Nam	
162	2226521633	162/T22	Cao Thị	Búp	27/02/1986	T22YDHB	2.65	2.33	3.00	2.66	K	TT Huế	
163	2227521634	163/T22	Nguyễn Công Minh	Châu	28/04/1991	T22YDHB	2.33	2.00	2.33	2.22	TB	Quảng Nam	
164	2226521637	164/T22	Nguyễn Thị Kim	Chi	10/03/1992	T22YDHB	4.00	1.65	4.00	3.22	G	Quảng Ngãi	
165	2226521636	165/T22	Trương Thị Mỹ	Chi	10/05/1992	T22YDHB	4.00	2.33	3.65	3.33	G	Khánh Hòa	
166	2226521638	166/T22	Lê Thị	Chung	05/03/1994	T22YDHB	4.00	1.00	4.00	3.00	K	Bình Định	
167	2226521639	167/T22	Trần Thị Kim	Cúc	16/02/1994	T22YDHB	3.00	2.33	3.33	2.89	K	Gia Lai	
168	2227521735	168/T22	Phạm Bá	Đạt	18/11/1983	T22YDHB	4.00	3.65	3.33	3.66	XS	Quảng Ngãi	
169	2226521640	169/T22	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	22/01/1987	T22YDHB	3.00	2.33	2.65	2.66	K	Quảng Nam	
170	2226521641	170/T22	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/11/1992	T22YDHB	1.65	3.33	2.65	2.54	K	Quảng Nam	
171	2227521642	171/T22	Ngô Hữu	Dương	20/11/1980	T22YDHB	1.00	2.65	3.00	2.22	TB	Quảng Ngãi	
172	2227521645	172/T22	Lê Hoàng	Duy	10/09/1993	T22YDHB	3.33	3.33	3.00	3.22	G	Gia Lai	
173	2227521644	173/T22	Phạm Phương	Duy	22/02/1992	T22YDHB	2.65	3.65	2.65	2.98	K	Quảng Nam	
174	2226521646	174/T22	Nguyễn Thị	Duyên	08/10/1991	T22YDHB	3.65	1.65	2.65	2.65	K	Thanh Hóa	
175	2226521647	175/T22	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Giang	24/07/1995	T22YDHB	4.00	3.33	2.65	3.33	G	Đà Nẵng	
176	2227521648	176/T22	Nguyễn Văn	Giáp	08/11/1985	T22YDHB	4.00	3.65	3.65	3.77	XS	Hà Nam	
177	2226521652	177/T22	Nguyễn Thị Vi	Hà	29/12/1993	T22YDHB	1.65	3.65	2.65	2.65	K	Quảng Nam	
178	2226521651	178/T22	Võ Thị	Hà	14/04/1980	T22YDHB	3.33	2.65	3.00	2.99	K	Quảng Nam	
179	2226521653	179/T22	Đỗ Thị Tuyết	Hằng	07/09/1992	T22YDHB	2.00	2.00	2.33	2.11	TB	Quảng Nam	
180	2227521656	180/T22	Lê Trọng	Hiền	01/01/1985	T22YDHB	3.65	2.00	3.33	2.99	K	Đồng Tháp	
181	2226521658	181/T22	Phan Nguyễn Thanh	Hiền	08/11/1992	T22YDHB	3.33	4.00	4.00	3.78	XS	Phú Yên	
182	2226521657	182/T22	Trần Thị Thu	Hiền	20/07/1996	T22YDHB	2.33	3.33	3.65	3.10	K	Quảng Nam	
183	2226521659	183/T22	Nguyễn Thị	Hiệp	18/11/1981	T22YDHB	2.33	2.65	3.65	2.88	K	Quảng Nam	
184	2226521660	184/T22	Đinh Thị Minh	Hiếu	01/01/1994	T22YDHB	2.65	3.33	3.33	3.10	K	Đà Nẵng	
185	2226521661	185/T22	Lê Thị	Hoa	08/06/1995	T22YDHB	4.00	2.65	4.00	3.55	G	Quảng Bình	
186	2226521662	186/T22	Nguyễn Thị	Hòa	15/07/1989	T22YDHB	4.00	3.00	3.00	3.33	G	Quảng Nam	
187	2226521664	187/T22	Phạm Thị Ánh	Hồng	24/10/1996	T22YDHB	4.00	1.65	3.00	2.88	K	Quảng Bình	
188	2226521663	188/T22	Trần Thị Tú	Hồng	19/05/1985	T22YDHB	2.00	2.33	2.00	2.11	TB	Quảng Nam	
189	2226521736	189/T22	Võ Thị Thu	Hồng	05/11/1993	T22YDHB	2.33	4.00	3.65	3.33	G	Bình Định	
190	2226521667	190/T22	Đỗ Thị	Hương	30/11/1976	T22YDHB	2.65	3.33	2.65	2.88	K	Đà Nẵng	
191	2226521665	191/T22	Võ Thị Thu	Hương	24/06/1993	T22YDHB	3.00	2.00	4.00	3.00	K	Quảng Bình	
192	2227521737	192/T22	Lê Minh	Huy	07/12/1992	T22YDHB	2.33	1.65	2.00	2.00	TB	Khánh Hòa	
193	2227521668	193/T22	Đinh Công	Kiên	01/01/1985	T22YDHB	3.33	3.33	3.00	3.22	G	Hà Tĩnh	
194	2226521670	194/T22	Nguyễn Thị	Kiều	22/08/1987	T22YDHB	4.00	3.33	4.00	3.78	XS	Quảng Nam	
195	2226521669	195/T22	Trần Thị Diễm	Kiều	05/12/1985	T22YDHB	3.00	3.00	3.33	3.11	K	Phú Yên	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA T22, T22B LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2018

196	2226521671	196/T22	Phạm Thị Phương	Lan	18/10/1993	T22YDHB	3.00	2.33	2.00	2.44	TB	Quảng Trị	
197	2226521672	197/T22	Hà Thị Gia	Lăng	01/04/1977	T22YDHB	2.00	1.65	2.65	2.10	TB	Gia Lai	
198	2226521673	198/T22	Nguyễn Ngọc	Liên	22/04/1995	T22YDHB	4.00	3.33	4.00	3.78	XS	Quảng Bình	
199	2226521674	199/T22	Võ Thị Diệu	Linh	01/01/1973	T22YDHB	1.65	2.00	2.33	2.00	TB	Quảng Nam	
200	2226521675	200/T22	Võ Thị Kim	Loan	10/08/1972	T22YDHB	2.33	1.65	2.00	2.00	TB	Quảng Nam	
201	2226521676	201/T22	Nguyễn Thị	Lương	09/09/1989	T22YDHB	4.00	4.00	3.00	3.67	XS	Nghệ An	
202	2226521677	202/T22	Cáp Mộng Trà	My	23/08/1996	T22YDHB	4.00	2.33	3.65	3.33	G	Quảng Trị	
203	2226521678	203/T22	Đặng Thị Trà	My	06/07/1989	T22YDHB	2.00	2.00	3.65	2.55	K	Hà Tĩnh	
204	2227521679	204/T22	Lê Hữu	Nam	04/06/1991	T22YDHB	4.00	3.33	4.00	3.78	XS	Quảng Bình	
205	2226521680	205/T22	Huỳnh Thị Thanh	Nga	05/10/1994	T22YDHB	2.33	3.00	4.00	3.11	K	Quảng Nam	
206	2226521681	206/T22	Đoàn Trịnh Thúy	Nghĩa	06/01/1996	T22YDHB	2.65	2.65	3.65	2.98	K	Quảng Nam	
207	2226521684	207/T22	Huỳnh Thị Mỹ	Nguyên	09/11/1993	T22YDHB	2.00	1.65	3.65	2.43	TB	Quảng Ngãi	
208	2227521683	208/T22	Nguyễn Ngọc	Nguyên	26/12/1994	T22YDHB	3.65	2.33	2.65	2.88	K	Gia Lai	
209	2226521686	209/T22	Trần Đặng Quỳnh	Như	21/12/1994	T22YDHB	2.33	2.00	2.00	2.11	TB	Quảng Bình	
210	2226521688	210/T22	Lê Trần Ánh	Nhung	10/01/1994	T22YDHB	3.00	3.00	2.00	2.67	K	Quảng Nam	
211	2226521687	211/T22	Ngô Hồng	Nhung	13/09/1995	T22YDHB	4.00	2.00	2.65	2.88	K	Đà Nẵng	
212	2226521689	212/T22	Tô Thị Hàn	Ni	26/06/1990	T22YDHB	3.65	1.65	4.00	3.10	K	Kon Tum	
213	2226521690	213/T22	Thái Thị Kim	Oanh	12/03/1993	T22YDHB	3.00	1.65	2.65	2.43	TB	Đà Nẵng	
214	2226521691	214/T22	Phạm Thị Hồng	Phúc	25/09/1989	T22YDHB	4.00	4.00	2.65	3.55	G	Quảng Nam	
215	2226521694	215/T22	Phạm Thị Như	Phương	10/11/1994	T22YDHB	4.00	3.65	4.00	3.88	XS	Quảng Nam	
216	2226521696	216/T22	Dương Thị Trúc	Quân	23/11/1994	T22YDHB	2.65	3.65	4.00	3.43	G	Khánh Hòa	
217	2226521697	217/T22	Hồ Thị Thu	Quỳnh	02/11/1994	T22YDHB	4.00	3.33	4.00	3.78	XS	Đà Nẵng	
218	2226521698	218/T22	Nguyễn Thị Vân	Quỳnh	28/02/1985	T22YDHB	1.65	1.00	3.65	2.10	TB	Quảng Nam	
219	2226521699	219/T22	Trần Thị Thanh	Tâm	01/01/1991	T22YDHB	2.33	1.65	2.65	2.21	TB	Quảng Nam	
220	2226521701	220/T22	Đỗ Thị Thanh	Thanh	15/12/1995	T22YDHB	2.65	4.00	3.33	3.33	G	Gia Lai	
221	2226521709	221/T22	Bùi Thị Thạch	Thảo	21/04/1994	T22YDHB	2.33	2.33	4.00	2.89	K	Quảng Ngãi	
222	2226521739	222/T22	Lê Thị Bích	Thảo	13/03/1991	T22YDHB	1.65	3.00	2.65	2.43	TB	Quảng Bình	
223	2226521703	223/T22	Lương Thị Thu	Thảo	28/06/1990	T22YDHB	2.33	2.65	4.00	2.99	K	Đà Nẵng	
224	2226521707	224/T22	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/11/1993	T22YDHB	3.33	2.65	3.00	2.99	K	Quảng Ngãi	
225	2226521708	225/T22	Phan Thị Bích	Thảo	11/11/1993	T22YDHB	2.65	2.33	3.00	2.66	K	Quảng Nam	
226	2226521705	226/T22	Trần Thị Thu	Thảo	14/12/1991	T22YDHB	4.00	2.65	4.00	3.55	G	Phú Yên	
227	2226521706	227/T22	Võ Thị Thu	Thảo	27/12/1993	T22YDHB	2.00	2.65	2.33	2.33	TB	Bình Định	
228	2226521710	228/T22	Kiều Thị Kim	Thoa	27/07/1993	T22YDHB	2.33	2.65	4.00	2.99	K	Đà Nẵng	
229	2226521711	229/T22	Trương Thị	Thoan	17/07/1980	T22YDHB	2.00	1.65	2.65	2.10	TB	Kon Tum	
230	2226521712	230/T22	Phạm Thị	Thu	26/05/1995	T22YDHB	4.00	3.00	3.65	3.55	G	Hải Phòng	
231	2226521714	231/T22	Phạm Thị Hoài	Thương	08/02/1994	T22YDHB	2.65	2.00	3.00	2.55	K	Đà Nẵng	
232	2226521715	232/T22	Trương Thùy Diễm	Thúy	29/10/1994	T22YDHB	3.65	2.00	3.00	2.88	K	Khánh Hòa	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA T22, T22B LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2018

233	2226521717	233/T22	Nguyễn Thị Thủy	Thủy	09/07/1993	T22YDHB	3.00	2.00	4.00	3.00	K	Bình Định	
234	2226521443	234/T22	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	12/11/1993	T22YDHB	4.00	1.00	3.00	2.67	K	Quảng Nam	
235	2226521718	235/T22	Nguyễn Thị Tình	Tình	05/05/1988	T22YDHB	3.65	2.00	4.00	3.22	G	Quảng Nam	
236	2227521719	236/T22	Hồ Văn Toàn	Toàn	14/06/1996	T22YDHB	2.33	1.00	3.65	2.33	TB	DakLak	
237	2226521740	237/T22	Nguyễn Thị Bích	Trang	03/01/1983	T22YDHB	2.00	1.65	3.00	2.22	TB	Quảng Nam	
238	2226521721	238/T22	Trần Thị Thiên	Trang	25/01/1996	T22YDHB	2.00	3.00	4.00	3.00	K	Bình Định	
239	2226521724	239/T22	Phạm Thị Việt	Tứ	20/09/1995	T22YDHB	3.00	3.33	4.00	3.44	G	Quảng Nam	
240	2226521726	240/T22	Lê Thị Ánh	Tuyết	05/10/1994	T22YDHB	3.33	3.65	3.33	3.44	G	Quảng Bình	
241	2226521727	241/T22	Trịnh Thị Hoàng	Uyên	26/08/1993	T22YDHB	2.00	2.33	3.33	2.55	K	Gia Lai	
242	2227521729	242/T22	Hồ Thanh Vân	Vân	25/02/1980	T22YDHB	4.00	3.65	4.00	3.88	XS	Quảng Ngãi	
243	2226521728	243/T22	Trần Thị Bích	Vân	15/11/1979	T22YDHB	3.00	2.65	3.65	3.10	K	Quảng Nam	
244	2226521730	244/T22	Huỳnh Thị Ngọc	Vi	08/09/1995	T22YDHB	4.00	2.65	3.65	3.43	G	Đà Nẵng	
245	2226521731	245/T22	Phạm Thị Thanh	Vinh	05/07/1963	T22YDHB	2.00	3.33	3.33	2.89	K	Đà Nẵng	
246	2227521732	246/T22	Huỳnh Đức	Vũ	19/02/1992	T22YDHB	1.65	2.65	3.33	2.54	K	Đà Nẵng	
247	2226521741	247/T22	Lê Thị Tường	Vy	24/04/1994	T22YDHB	2.00	1.00	4.00	2.33	TB	Đà Nẵng	
248	2226521734	248/T22	Võ Thị Thanh	Yên	02/10/1996	T22YDHB	3.00	4.00	4.00	3.67	XS	Quảng Ngãi	
249	2226261819	249/T22	Hồ Thị Hồng	Nhung	02/01/1993	T22KDN_B	1.65	3.33	2.33	2.44	TB	Đà Nẵng	
250	2226261820	250/T22	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/01/1990	T22KDN_B	3.00	1.65	2.65	2.43	TB	Quảng Nam	
251	2226511881	251/T22	Nguyễn Thị	Diệu	25/04/1992	T22YDD_B	2.65	2.33	3.00	2.66	K	Đà Nẵng	
252	2226511882	252/T22	Trần Thị Thu	Hằng	15/08/1996	T22YDD_B	2.65	1.65	3.65	2.65	K	Quảng Bình	
253	2226511883	253/T22	Nguyễn Thị	Hiền	19/09/1994	T22YDD_B	2.33	3.00	3.33	2.89	K	Quảng Bình	
254	2226511884	254/T22	Nguyễn Thị	Lê	01/01/1994	T22YDD_B	4.00	2.00	2.33	2.78	K	Bình Định	
255	2226511885	255/T22	Nguyễn Thị Trà	My	28/07/1996	T22YDD_B	3.00	3.00	2.65	2.88	K	Quảng Nam	
256	2226511886	256/T22	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	02/03/1996	T22YDD_B	3.33	1.00	2.00	2.11	TB	Quảng Nam	
257	2226511889	257/T22	Trần Thị Khánh	Phương	03/03/1982	T22YDD_B	2.33	2.33	3.00	2.55	K	Quảng Nam	
258	2226511888	258/T22	Trần Thị Phương	Thảo	20/03/1992	T22YDD_B	2.33	3.33	3.33	3.00	K	Quảng Nam	
259	2226511890	259/T22	Đặng Thị Thanh	Xuân	01/02/1987	T22YDD_B	2.65	2.65	3.00	2.77	K	Đà Nẵng	
260	2226521845	260/T22	Bùi Thị Kim	Anh	09/09/1991	T22YDH_B	4.00	3.00	3.33	3.44	G	Quảng Nam	
261	2226521821	261/T22	Nguyễn Thị Lan	Anh	27/09/1992	T22YDH_B	3.65	2.00	2.00	2.55	K	Quảng Ngãi	
262	2226521822	262/T22	Nguyễn Thị Hồng	Búp	30/07/1996	T22YDH_B	2.00	2.33	4.00	2.78	K	Quảng Bình	
263	2227521823	263/T22	Võ Văn	Cầm	13/09/1979	T22YDH_B	2.33	2.33	2.65	2.44	TB	Quảng Ngãi	
264	2226521824	264/T22	Mai Thị	Chiến	27/01/1979	T22YDH_B	2.33	2.65	2.33	2.44	TB	Thái Nguyên	
265	2227521825	265/T22	Nguyễn Mạnh	Công	06/11/1973	T22YDH_B	2.33	3.65	4.00	3.33	G	Bắc Ninh	
266	2226521827	266/T22	Đoàn Nguyễn Anh	Đào	24/08/1988	T22YDH_B	3.00	1.65	3.00	2.55	K	Quảng Nam	
267	2226521868	267/T22	Bùi Thị Thùy	Dung	21/11/1996	T22YDH_B	2.33	4.00	2.33	2.89	K	Quảng Nam	
268	2226521828	268/T22	Nguyễn Thị Thu	Dung	09/09/1994	T22YDH_B	3.65	2.65	4.00	3.43	G	Gia Lai	
269	2226521830	269/T22	Bùi Thị Bích	Hà	16/06/1995	T22YDH_B	2.33	1.65	2.00	2.00	TB	DakLak	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA T22, T22B LIÊN THÔNG
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2018

270	2226521829	270/T22	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	26/01/1996	T22YDH_B	3.00	1.65	3.00	2.55	K	Quảng Nam	
271	2226521832	271/T22	Võ Thị	Hằng	10/06/1990	T22YDH_B	3.00	2.00	1.65	2.22	TB	Quảng Bình	
272	2226521833	272/T22	Nguyễn Lê Mỹ	Hạnh	13/04/1995	T22YDH_B	3.33	1.00	2.65	2.33	TB	Đà Nẵng	
273	2226521875	273/T22	Thái Thị Mỹ	Hạnh	01/06/1989	T22YDH_B	4.00	2.65	3.00	3.22	G	Đà Nẵng	
274	2227521834	274/T22	Nguyễn Văn	Hậu	21/01/1992	T22YDH_B	3.00	3.33	2.65	2.99	K	Đà Nẵng	
275	2226521838	275/T22	Bùi Thị Lan	Hương	03/09/1983	T22YDH_B	2.00	2.65	3.33	2.66	K	Đà Nẵng	
276	2226521878	276/T22	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	12/05/1996	T22YDH_B	2.33	3.33	2.33	2.66	K	Quảng Nam	
277	2226521841	277/T22	Nguyễn Thị	Khê	19/10/1991	T22YDH_B	3.33	2.65	3.00	2.99	K	TT Huế	
278	2226521842	278/T22	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	16/10/1995	T22YDH_B	1.65	2.33	3.33	2.44	TB	Quảng Nam	
279	2226521876	279/T22	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	27/10/1992	T22YDH_B	2.33	3.33	3.00	2.89	K	Quảng Nam	
280	2226521848	280/T22	Nguyễn Thúy	Linh	09/03/1993	T22YDH_B	4.00	3.33	4.00	3.78	XS	Quảng Nam	
281	2226521849	281/T22	Trần Khánh	Ly	02/03/1981	T22YDH_B	2.00	2.65	3.65	2.77	K	Quảng Nam	
282	2226521850	282/T22	Lê Thị	Lý	28/04/1992	T22YDH_B	2.65	2.33	2.65	2.54	K	Quảng Ngãi	
283	2226521869	283/T22	Dương Nguyễn Bích	Nga	19/06/1982	T22YDH_B	1.65	2.00	3.00	2.22	TB	Đà Nẵng	
284	2226521851	284/T22	Nguyễn Thị Thanh	Nga	22/12/1985	T22YDH_B	2.00	2.00	3.33	2.44	TB	Quảng Nam	
285	2226521854	285/T22	Hồ Thị Như	Nguyễn	19/09/1983	T22YDH_B	3.00	3.33	3.33	3.22	G	TT Huế	
286	2226521855	286/T22	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	18/11/1996	T22YDH_B	3.00	2.00	2.65	2.55	K	Quảng Nam	
287	2226521856	287/T22	Đỗ Thị Hồng	Nhung	13/10/1996	T22YDH_B	2.33	3.33	3.33	3.00	K	Vĩnh Phúc	
288	2226521857	288/T22	Ngô Thị	Oanh	01/01/1989	T22YDH_B	4.00	2.33	4.00	3.44	G	Đà Nẵng	
289	2227521858	289/T22	Trần Thế	Phiệt	07/01/1992	T22YDH_B	3.33	1.65	1.65	2.21	TB	Đà Nẵng	
290	2226521860	290/T22	Bùi Nguyễn Minh	Tâm	01/01/1995	T22YDH_B	2.00	2.00	2.65	2.22	TB	Đà Nẵng	
291	2226521862	291/T22	Nguyễn Thị Thi	Thi	30/04/1996	T22YDH_B	2.00	2.00	2.65	2.22	TB	Quảng Ngãi	
292	2226521863	292/T22	Trần Thị Thu	Thơ	08/09/1984	T22YDH_B	2.65	1.65	3.65	2.65	K	Quảng Nam	
293	2227521865	293/T22	Ngô Đắc	Tiến	08/08/1984	T22YDH_B	3.00	2.00	3.33	2.78	K	TT Huế	
294	2226521866	294/T22	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	06/06/1995	T22YDH_B	2.65	3.00	3.00	2.88	K	Quảng Bình	
295	2226521871	295/T22	Lê Nhị	Uyên	30/03/1995	T22YDH_B	2.00	1.65	3.00	2.22	TB	Khánh Hòa	
296	2226521879	296/T22	Nguyễn Thị	Vân	02/09/1981	T22YDH_B	3.65	2.65	4.00	3.43	G	Quảng Nam	
297	2226521847	297/T22	Nguyễn Thị Hồng	Vân	11/03/1996	T22YDH_B	3.00	4.00	3.33	3.44	G	Quảng Nam	
298	2226521874	298/T22	Đỗ Thị Lê	Vy	02/11/1990	T22YDH_B	1.65	2.33	2.33	2.10	TB	Đà Nẵng	